

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Toán học;

Chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐẶNG ĐÌNH HANH**

2. Ngày tháng năm sinh: 18/07/1981; Nam Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Ninh Xá, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng 708-N07-B1.2, Khu đô thị mới Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Buu điện): Phòng 708-N07-B1.2, Khu đô thị mới Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0914336900

E-mail: hanhdd@hau.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 8 năm 2003 đến tháng 7 năm 2012: Giảng viên Khoa Toán - Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Từ ngày 01/05/2008 được Bổ nhiệm chính thức vào ngạch Giảng viên);

Từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 8 năm 2013: Giảng viên Bộ môn Toán, Khoa Tại chức, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Từ tháng 9 năm 2013 đến ngày 14 tháng 4 năm 2015: Phó Trưởng Bộ môn Toán, Khoa Tại chức, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Từ ngày 15 tháng 4 năm 2015 đến tháng 7 năm 2018: Trưởng Bộ môn Toán, Khoa Tại chức, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Từ tháng 8 năm 2018 đến ngày 14 tháng 11 năm 2018: Trưởng Bộ môn Toán, Viện Đào tạo mở, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Từ ngày 15 tháng 11 năm 2018 đến ngày 05 tháng 05 năm 2021: Phó Viện trưởng Viện Đào tạo mở, kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Giảng dạy và nghiên cứu cơ bản, Viện Đào tạo mở, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Từ ngày 06 tháng 05 năm 2021 đến nay: Phó Viện trưởng Viện Đào tạo mở, kiêm nhiệm Trưởng Bộ môn Toán, Viện Đào tạo mở, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Viện trưởng Viện Đào tạo mở, Trưởng Bộ môn Toán;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Viện trưởng Viện Đào tạo mở;

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Địa chỉ cơ quan: Km10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội;

Điện thoại cơ quan: 02438541616

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 10 tháng 07 năm 2003; số văn bằng: 516806; ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 03 tháng 03 năm 2006; số văn bằng: 2598; ngành: Toán học; chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 21 tháng 02 năm 2012; số văn bằng: 001087; ngành: Toán học; chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học.
13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:
 - Lý thuyết phạm trù: Phạm trù có phép toán.
 - Lý thuyết đồ thị: Cây bao trùm của đồ thị liên thông.
14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:
 - Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
 - Đã hướng dẫn (số lượng) 03 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT;
 - Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03 đề tài cấp cơ sở;
 - Đã công bố (số lượng) 12 bài báo khoa học, trong đó 11 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín (8 bài đăng ở tạp chí thuộc danh mục SCIE, 3 bài đăng ở tạp chí thuộc danh mục Scopus) và 01 bài đăng ở tạp chí được MathSciNet điểm danh; ngoài ra, ứng viên có 1 bài báo (viết một mình) đã được nhận đăng ngày 04/07/2021 trên tạp chí Discussiones Mathematicae graph theory (SCIE) và đang chờ ra số;
 - Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
 - Số lượng sách đã xuất bản ... sách, trong đó ... sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
 - Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:
15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):
16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Với nhiệm vụ là giảng viên của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, tôi đã:
 - Giảng dạy trực tiếp các lớp ở bậc Đại học, tất cả các năm đều trực tiếp đứng lớp từ 50% định mức giờ chuẩn trở lên; khối lượng giảng dạy của các năm đều vượt định mức giờ chuẩn của giảng viên theo quy định hiện hành.
 - Tham gia bồi dưỡng đội tuyển Đại số của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội và dẫn đoàn Olympic của trường tham dự kì thi Olympic Toán học Sinh viên - Học sinh toàn quốc.
 - Tích cực tham gia công tác nghiên cứu khoa học; hoàn thành tốt các nhiệm vụ của giảng viên về đào tạo và nghiên cứu khoa học, thực hiện tốt các quy định của pháp luật và của nhà trường, không ngừng rèn luyện trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
 - Có phẩm chất đạo đức tốt, có tư tưởng chính trị vững vàng, có lý lịch bản thân rõ ràng, có sức khoẻ đảm bảo yêu cầu nghề nghiệp.

Với vai trò là Phó Viện trưởng, ứng viên tích cực tham mưu cho Viện trưởng trong các công việc và định hướng phát triển của Viện, luôn chủ động trong các công việc phụ trách và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, quy tụ được các thành viên của Viện trong các

hoạt động tập thể của Viện và Nhà trường. Với vai trò kiêm nhiệm chức vụ Trưởng Bộ môn Toán, ứng viên đã chủ động chỉ đạo Bộ môn trong các hoạt động điều chỉnh chương trình đào tạo môn Toán cho các hệ sinh viên của nhà trường, trong các hoạt động dạy học và ra đề thi, chấm thi; bộ môn ôn luyện các đội tuyển Olympic Toán của nhà trường. Ngoài ra, ứng viên cũng giúp đỡ các đồng nghiệp trong quá trình nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 14 năm 10 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018			03		225		225/245.44/216
2	2018-2019					195		195/213.38/128.25
3	2019-2020					135		135/138.38/81
03 năm học cuối								
4	2020-2021					135		135/146.53/81
5	2021-2022					195		195/221.25/81
6	2022-2023					165		165/188.16/81

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

❖ Từ 7/2017 đến 6/2018:

Hướng dẫn: 03 Học viên cao học Phạm Thị Huệ, Bùi Thị Huệ và Đàm Thị Minh Ngọc của Khoa Toán - Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Giảng dạy:

- Dạy môn Xác suất thống kê cho lớp X9, khoá 2016: 30 tiết;
- Dạy môn Xác suất thống kê cho lớp KX3, khoá 2016: 30 tiết;
- Dạy môn Toán Cao cấp cho lớp K6, khoá 2017: 30 tiết;
- Dạy môn Toán phần 1 cho lớp X4, khoá 2017: 45 tiết;

- Dạy môn Toán phần 2 cho lớp X1, khoá 2017: 45 tiết;
- Dạy môn Toán phần 2 cho lớp X3, khoá 2017: 45 tiết.

❖ Từ 7/2018 đến 6/2019:

Giảng dạy:

- Dạy môn Xác suất thống kê cho lớp KX1, khoá 2017: 30 tiết;
- Dạy môn Xác suất thống kê cho lớp KX2, khoá 2017: 30 tiết;
- Dạy môn Toán Cao cấp cho lớp K6, khoá 2018: 30 tiết;
- Dạy môn Toán phần 1 cho lớp X+, khoá 2018: 45 tiết;
- Dạy môn Toán Cao cấp cho lớp QL1, khoá 2018: 30 tiết;
- Dạy môn Toán Cao cấp cho lớp QL2, khoá 2018: 30 tiết.

❖ Từ 7/2019 đến 6/2020:

Giảng dạy:

- Dạy môn Toán phần 1 cho lớp X+, khoá 2019: 45 tiết;
- Dạy môn Toán phần 2 cho lớp CN 3, khoá 2019: 45 tiết;
- Dạy môn Xác suất thống kê cho lớp CN 6, khoá 2019: 45 tiết.

❖ Từ 7/2020 đến 6/2021:

Giảng dạy:

- Dạy môn Toán rời rạc cho lớp CN 4, khoá 2019: 45 tiết;
- Dạy môn Toán Đại số cho lớp CN 3, khoá 2020: 45 tiết;
- Dạy môn Toán 2 cho lớp D, khoá 2020: 45 tiết.

❖ Từ 7/2021 đến 6/2022:

Giảng dạy:

- Dạy môn Toán rời rạc cho lớp CN 3, khoá 20: 45 tiết;
- Dạy môn Toán 1 cho lớp DA1, khoá 21: 30 tiết;
- Dạy môn Toán 2 cho lớp VL, khoá 21: 45 tiết;
- Dạy môn Xác suất thống kê cho lớp TC2610_LH: 45 tiết;
- Dạy môn Toán cao cấp cho lớp TC2607_BS: 30 tiết.

❖ Từ 7/2022 đến 6/2023:

Giảng dạy:

- Dạy môn Toán rời rạc cho lớp CN 2, khoá 21: 45 tiết;
- Dạy môn Toán Đại số cho lớp CN 5, Khoá 22: 45 tiết;
- Dạy môn Xác suất thống kê cho lớp CN 5, Khoá 22: 30 tiết;
- Dạy môn Toán phần 1 cho lớp Tại chức Ông Bí: 45 tiết.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....
- b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:
- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....
- c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:
- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):
- d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Các bài báo khoa học đều viết bằng tiếng anh.
- 3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Thị Huệ		X	X		12/2016-10/2017	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	30/01/2018, số A182763
2	Bùi Thị Huệ		X	X		12/2016-10/2017	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	30/01/2018, số A182764
	Đàm Thị Minh Ngọc		X	X		12/2016-10/2017	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	30/01/2018, số A182768

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Tính bện của Ann-phạm trừ	Chủ nhiệm	SPHN-10-584 NCS, Cấp cơ sở	7/2010 - 12/2011	21/12/2011, Loại Xuất sắc
II	Sau khi được công nhận TS				
2	Nghiên cứu về cây bao trùm trong đồ thị liên thông	Chủ nhiệm	24/HĐ-ĐHKT-KHCN, Cấp cơ sở	1/2019 - 1/2020	11/12/2019, Loại Xuất sắc
3	Nghiên cứu về đồ thị liên thông có cây bao trùm có thân với số lá, số đỉnh rẽ nhánh bị chặn	Chủ nhiệm	29/HĐ-ĐHKT-KHCN, Cấp cơ sở	1/2020 - 1/2021	11/11/2020, Loại Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Homological classification of Ann-functors	2	Không	East-West Journal of Mathematics Print ISSN 0125-2526		0	11, 2, 195- 210	12/2009
2	On the braiding of an Ann-category	2	Không	Asian-European Journal of Mathematics Print ISSN 1793-5571	Scopus, IF=0.599 (năm 2023), Q3	0	3, 4, 647- 666	12/2010
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							

3	Duals of Ann-categories	2	Có	Communications of the Korean Mathematical Society Print ISSN 1225-1763	Scopus, IF=0.688 (năm 2023), Q4	0	27, 1, 23-36	01/2012
4	Cohomological classification of braided Ann-categories	2	Không	Journal of Homotopy and Related Structures Print ISSN 2193-8407	SCIE, IF=0,382 (Năm 2023), Q4	0	10, 1-28	03/2015
5	Spanning trees with at most 4 leaves in $K_{1,5}$ -free graphs	3	Không	Discrete Mathematics Print ISSN 0012-365X	SCIE, IF=0.956, Q1	1	342, 8, 2342-2349	08/2019
6	Spanning trees of connected $K_{1,r}$ -free graphs whose stems have a few leaves	2	Không	Bulletin of the Malaysian Mathematical Sciences Society Print ISSN 0126-6705 Electronic ISSN 2180-4206	SCIE, IF=0.446, Q2	1	43, 3 2373-2383	05/2020
7	Spanning trees with few peripheral branch vertices	3	Không	Taiwanese Journal of mathematics ISSN: 1027-5487 (print), 2224-6851 (online)	SCIE, IF=0.870, Q2	0	25, 3, 435-447	06/2021
8	Spanning trees whose reducible stems have a few branch vertices	4	Không	Czechoslovak Mathematical Journal Print ISSN 0011-4642 Electronic ISSN 1572-9141	SCIE, IF=0.328, Q3	0	71, 3, 697-708	06/2021
9	Degree conditions for claw-free graphs to have spanning trees with at most five branch vertices and leaves in total	1	Có	Studia Scientiarum Mathematicarum Hungarica Print ISSN: 0081-6906; Online ISSN: 1588-2896	SCIE, IF=0.855, Q2	0	59, 1, 58-66	04/2022

10	Spanning trees with few peripheral branch vertices in a connected claw-free graph	1	Có	Acta Mathematica Hungarica Print ISSN: 0236-5294 Online ISSN: 1588-2632	SCIE, IF=0.623, Q2	0	169,1 1-14	02/2023
11	Conditions for spanning trees whose internal subtrees have few branch vertices and leaves	1	Có	Bulletin of the Brazilian Mathematical Society, New Series (BBMS) Print ISSN 1678-7544 Electronic ISSN 1678-7714	SCIE, IF=1.177, Q3	0	54, 2, Article number : 15	04/2023
12	A condition ensuring that a connected graph has a spanning tree with few leaves	1	Có	European Journal of Mathematics Print ISSN 2199-675X Electronic ISSN 2199-6768	Scopus, IF=0.542, Q2	0	9, Article number : 26	04/2023
13	Spanning trees with a bounded number of branch vertices in a $K_{1,4}$ -free graph	1	Có	<i>To appear in</i> Discussiones Mathematicae graph theory; https://doi.org/10.7151/dmgt.2419 ISSN 1234-3099 (print version) ISSN 2083-5892 (electronic version)	SCIE, IF=0.714, Q2			Đã nhận đăng ngày 4/7/2021

- Trong đó: có 05 bài báo khoa học với số thứ tự [3], [9], [10], [11] và [12] được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín (tạp chí thuộc danh mục SCIE, Scopus) mà ứng viên là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đặng Đình Hanh